TÒA ÁN NH1 DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2023/HS-ST Ngày 03 - 4 - 2023	

NH1 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH1 DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nH1 dân : Ông Phạm Văn Quang – Giáo viên nghỉ hưu;

Bà Vũ Thị Lan – Giáo viên nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên Tòa án nH1 dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nH1 dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nH1 dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm 1995 tại xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn Nh xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Trần Thị V1; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam ngày 15/02/2023, hiện Đg tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Cháu Trần Thị Ngọc H1, sinh năm 2013

Địa chỉ: Thôn Nh, xã B, huyện B tỉnh Hải Dương.

+ Anh Trần Văn Th, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Nh, xã B, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Người đại diện hợp pháp của cháu H1:

Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1990. (Là mẹ của cháu H1).

Anh Trần Văn Th, sinh năm 1988 (Là bố của cháu H1).

Địa chỉ: Thôn Nh, xã B, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

(Chị Đ vắng mặt nhưng có đề nghị anh Th thay mặt chị đại diện cho cháu H1)

Anh Th có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại (cháu H1): Ông Phạm Văn Điều - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

- Đại diện Trường tiểu học xã B (nơi bị hại cháu H1 học tập).

Bà: Nguyễn Thị T1, là giáo viên chủ nhiệm lớp cháu Trần Thị Ngọc H1.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

Anh Trần Quang P, sinh năm 1982.

Anh Phạm Thế T2, sinh năm 1991.

Chị Lưu Thị V, sinh năm 1986.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H và anh Trần Văn Th là anh em ruột. Do nợ tiền của người ngoài xã hội không có khả năng chi trả nên H đã nhiều lần hỏi vay tiền của anh Th nhưng anh Th không đồng ý cho vay. Khoảng 14 giờ ngày 22/5/2022, khi H đi chơi về nhà, thấy cháu Trần Thị Ngọc H1 (là con gái của anh Th) Đg chơi ở nhà mình (H sống chung nhà bố mẹ là ông Trần Văn C, bà Trần Thị V1) nên nảy sinh ý định bắt cóc cháu H1 để yêu cầu anh Th phải đưa tiền cho H. Vì vậy, H rủ cháu H1 đi chơi, cháu H1 đồng ý. H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave mầu đỏ của mình (H không nhớ BKS của xe, đến nay đã bán cho người không quen tại thành phố Hà Nội được 3.500.000 đồng) chở cháu H1 đến khu vực chợ thôn Phủ, xã Thái Học, huyện Bình Giang cho cháu H1 vào khu vui chơi để chơi các trò chơi ở đó. Trong lúc đợi cháu H1 chơi, H sử dụng điện thoại Iphone 6 gọi cho chị Trần Thị Thoan (là chị gái của Huy) mục đích để hỏi vay tiền nhưng chị Thoan không nghe máy. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, anh Th đi làm về nhưng không thấy cháu H1 ở nhà, anh Th gọi điện qua ứng dụng Zalo từ tài khoản tên đăng nhập "Andy Tran" (đăng ký số điện thoại 0346.476.680) đến tài khoản tên đăng nhập "Khang H" (đăng ký số điện thoại 0969.982.062) của H để hỏi xem cháu H1 có đi chơi với H không nhưng H không nghe máy, mục đích để anh Th phải lo lắng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H ngồi tại khu vực chợ thôn Phủ sử dụng điện thoại Iphone6 nhắn tin qua ứng dụng Zalo từ tài khoản tên đăng nhập "Khang H" đến tài khoản tên đăng nhập "Andy Tran" của

anh Th thông báo về việc H Đang giữ cháu H1, đồng thời yêu cầu anh Th chuyển số tiền 75.000.000 đồng vào tài khoản số 21310001038722 của H tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) thì H sẽ cho cháu H1 về. Anh Th không đồng ý và nói với H sẽ báo Công an nếu không đưa cháu H1 về nhưng H không nghe mà tiếp tục nhắn tin đe dọa nếu đến 19 giờ cùng ngày anh Th không chuyển tiền cho H thì H sẽ đưa cháu H1 đến tỉnh Cao Bằng. Anh Th lo sợ H sẽ làm hại cháu H1 nên đã bảo anh Trần Quang P (là con bác ruột anh Th) nhắn tin, gọi điện khuyên bảo H đưa cháu H1 về. Anh P sử dụng tài khoản Zalo tên đăng nhập "Trần Minh Phong" gọi điện, nhắn tin đến tài khoản "Khang H" bảo H đưa cháu H1 về nhưng H không đồng ý và yêu cầu anh P bảo anh Th chuyển tiền vào tài khoản theo yêu cầu thì H mới cho người chở cháu H1 về.

Sau khi nói chuyện với anh P, H điều khiển xe mô tô chở cháu H1 đến quán nước ven đường thuộc khu vực thôn Quán Gỏi, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang ngồi đợi anh Th chuyển tiền. Khoảng 19 giờ cùng ngày, anh Th đến quán sửa chữa điện thoại của chị Lưu Thị V, sinh năm 1986 ở thôn D, xã B, huyện B nhờ chị V chuyển số tiền 75.000.000 đồng qua ứng dụng Internet Banking đến số tài khoản của H rồi anh Th trả tiền mặt. Chị V đồng ý và chuyển số tiền 75.000.000 đồng từ tài khoản số 6661986555555, ngân hàng TMCP quân đội đến số tài khoản 21310001038722 ngân hàng BIDV của H và ghi chú nội dung "gửi vị trí đón con". Sau khi anh Th chuyển tiền, anh P nhắn tin qua tài khoản Zalo hỏi xem H nhận được tiền chưa, H trả lời đã nhận được tiền và hẹn 20 giờ 40 phút cùng ngày sẽ có người đưa cháu H1 về cổng làng, mọi người ra đón. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, H thuê xe taxi của anh Phạm Thế T2, sinh năm 1991, ở thôn Lý Đông, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang chở cháu H1 về đầu thôn Nh, xã B. Anh T2 đồng ý, báo giá 250.000 đồng và đọc số tài khoản 0341007094364 ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam, H chuyển trả cho anh T2 số tiền trên qua ứng dụng Internet Banking.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, anh Th trình báo Công an xã Bình Xuyên, sau đó Công an xã Bình Xuyên đã báo cáo Công an huyện Bình Giang phối hợp giải quyết. Đến khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, anh T2 điều khiển xe taxi đưa cháu H1 về đến đầu thôn Nh, xã Bình Xuyên thì bị ông Nguyễn Văn Nhận, sinh năm 1962, ở thôn Nh, xã B (là Công an viên) và anh Ngô Đức A, sinh năm 1996, ở thôn Lý Dương, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang (là cậu của cháu H1) giữ lại và đưa đến Công an xã Bình Xuyên làm việc.

Đối với Trần Văn H, sau khi anh T2 đưa cháu H1 về, H điều khiển xe mô tô về thôn Phủ, xã Thái Học gửi xe tại nhà dân (H không nhớ địa chỉ cụ thể) sau đó đi xe ô tô khách đến thành phố Hà Nội thuê trọ. Đến sáng ngày 23/5/2022, H bắt xe ô tô đi về thôn Phủ, xã Thái Học lấy xe mô tô rồi đi lên Hà Nội bán cho người không quen biết rồi bỏ trốn. Số tiền chiếm đoạt được của anh Th, H đã trả nợ và chi tiêu cá nH1 hết.

Ngày 14/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra triệu tập H đến trụ sở Công an huyện Bình Giang làm việc, H đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung trên.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 27 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nH1 dân huyện Bình Giang đã truy tố Trần Văn H về tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 169 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 169; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù, tính từ ngày tạm giam 15/02/2023.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 6 Điều 169; khoản 2, 3 Điều 32 Bộ luật Hình sự, đề nghị phạt bị cáo 10.000.000 đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 3.500.000đ bị cáo bán xe mô tô có được để nộp Ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H thừa nhận đã thực hiện hành vi giữ cháu Trần Thị Ngọc H1 với mục đích chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn Th, nội dung tình tiết sự việc như mô tả ở trên. Ngoài mục đích bắt giữ cháu H1 để chiếm đoạt tài sản của anh Th, thì không có mục đích nào khác. Về số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo đã chi tiêu cá nhân và trả nợ hết. Những người bị cáo trả nợ đến nay bị cáo không nhớ được là ai, vì cũng chỉ quen biết họ sơ lược, nhất thời trong quá trình bị cáo ở Hà Nội. Đối với chiếc xe máy bị cáo dùng để chở cháu H1, bị cáo đã bán đi cho người không quen biết, được 3.500.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết. Còn điện thoại Iphone 6 bị cáo sử dụng để liên lạc qua lại đòi tiền chuộc, bị cáo đã làm mất. Bị cáo nhất trí với nội dung truy tố của bản Cáo trạng và quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa, riêng về mức hình phạt thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ.

Bị hại là cháu Trần Thị Ngọc H1 khai tại giai đoạn điều tra: Khoảng 15 giờ ngày 22/5/2022, cháu H1 Đang ở nhà thì Trần Văn H rủ đi chơi, cháu H1 đồng ý và H đã chở cháu H1 đi chơi công viên ở thôn Phủ, xã Thái Học. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì H chở cháu H1 lên thôn Quán Gỏi, sau đó thuê xe tac-xi chở cháu H1 về nhà. Trong quá trình này H không đánh đập cháu H1 và có mua bánh kẹo, bún cho cháu H1 ăn.

Bị hại là anh Trần Văn Th (đồng thời là người đại diện hợp pháp của cháu H1) khai: Ngày 22/5/2022, Trần Văn H đã bắt cóc con gái anh là cháu Trần Thị Ngọc H1 làm con tin, rồi yêu cầu đòi 75.000.000 tiền chuộc, đe dọa nếu không giao tiền sẽ giết cháu H1. Anh sợ hãi nên đã phải gửi cho H vào tài khoản của H số tiền đó. Tình tiết cụ thể của sự việc như nêu trên. Về trách nhiệm hình sự: Nhất trí với

quan điểm của Viện kiểm sát, nhưng cho rằng đề nghị mức hình phạt tù của Viện kiểm sát là quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho H để H sớm được trở về cuộc sống bình thường vì bị cáo nhất thời phạm tội và anh Th là anh ruột bị cáo nên cũng không muốn bị cáo chịu mức hình phạt quá nặng. Về trách nhiệm dân sự, anh Th không yêu cầu H phải bồi thường số tiền 75.000.000 đồng và cho H số tiền trên.

Người đại diện hợp pháp của cháu H1 là chị Ngô Thị Đ (mẹ đẻ cháu H1) trình bày: Chị nhất trí cùng với quan điểm của anh Th (chồng chị Đ). Về số tiền 75.000.000 đồng là của riêng anh Th, chị không biết về số tiền này, nên không có ý kiến gì, mọi việc do anh Th quyết định. Chị có ý kiến trường hợp chị bận việc, không tham gia tố tụng được thì anh Th sẽ đứng ra đại diện hợp pháp cho cháu H1 trong quá trình tố tụng.

Đại diện nhà trường nơi cháu H1 học tập trình bày: Tình trạng cháu H1 sau sự việc bị H bắt cóc là bình thường, không có biểu hiện hoảng loạn, bất thường. Đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Sau khi vụ việc xảy ra, kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của cháu H1 cho thấy: Vụ việc không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu H1 trình bày quan điểm: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng, tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt tù của anh Trần Văn Th, để giảm nhẹ cho bị cáo H.

Người làm chứng là anh Phạm Thế T2 khai ngày 22/5/2022, anh được Trần Văn H thuê chở cháu H1 về nhà, anh không biết về hành vi bắt cóc của H mà chỉ chở khách theo hợp đồng; chị Lưu Thị V khai, ngày 22/5/2022, chị V đã chuyển hộ anh Th 75.000.000 đồng vào tài khoản của Trần Văn Huy; anh Trần Quang P khai: Ngày 22/5/2022, anh Th có nhờ anh P gọi điện cho H để hỏi xem H đưa con gái anh Th là cháu H1 đi đâu, anh P gọi điện, H không nghe máy, sau đó nhắn tin thì H trả lời qua tin nhắn, thừa nhận H Đang giữ cháu H1, yêu cầu anh Th phải chuyển tiền cho H thì H mới thả cháu H1 về. Sau khi anh Th chuyển tiền cho H xong, H nhắn tin bảo anh P đến tầm 20 giờ 40 phút cùng ngày thì ra đón cháu H1 ở cổng làng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nH1 dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, tài

liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 30 phút đến 20 giờ 40 phút ngày 22/5/2022, tại thôn Nh, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, Trần Văn H đã có hành vi bắt cóc cháu Trần Thị Ngọc H1, sinh năm 2013 (là người dưới 16 tuổi) làm con tin, sau đó sử dụng điện thoại nhắn tin, gọi điện yêu cầu anh Trần Văn Th (là bố cháu H1) phải chuyển số tiền 75.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của H thì H mới thả cháu H1 về. Sau khi nhận được 75.000.000 đồng anh Th chuyển, H mới thuê xe đưa cháu H1 trở về với gia đình.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi nhưng vẫn thực hiện là cố ý. Bị cáo đã phạm tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, được quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 169 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nH1 dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa phạm tội, chưa vi phạm hành chính.

[4]. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; trong quá trình học tập trong quân đội, bị cáo được tặng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nH1 tH1, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, trong đó có việc bị hại là anh Th tha thiết xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù nhẹ hơn mức đề xuất của Viện kiểm sát và buộc bị cáo phải chấp hành tại tù cơ sở giam giữ đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận trước khi bị tạm giam bị cáo có thu nhập ổn định bình quân là 6.000.000 đồng/tháng. Bị cáo không thuộc hộ cận nghèo, hộ nghèo. Do vậy, căn cứ vào khoản 6 Điều 169 của Bộ luật Hình sự, xét điều kiện về tài sản của bị cáo và tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần xử phạt tiền bổ sung bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

[6]. Về trách nhiệm dân sự, vật chứng:

Bị hại không yêu cầu bồi thường, cho bị cáo số tiền đã chiếm đoạt nên không phải giải quyết vấn đề bồi thường và không truy thu số tiền trên.

Xe mô tô H sử dụng vào việc phạm tội nhưng H không nhớ BKS và đã bán cho người không quen biết được 3.500.000 đồng, sử dụng chi tiêu cá nhân hết, nên cần truy thu số tiền này nộp ngân sách nhà nước; điện thoại Iphone6 H sử dụng vào việc phạm tội, H đã làm mất trong quá trình bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra không quản lý được nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. Anh Phạm Thế T2 lái xe tacxi không biết việc bị cáo phạm tội đối với

cháu H1, anh chỉ chở cháu H1 thuê theo hợp đồng nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d và điểm e khoản 2 và khoản 6 Điều 169, Khoản 2 và khoản 3 Điều 35, Điều 38, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo: 05 (năm) năm 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giam 15/02/2023.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng của bị cáo nộp ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại chưa thành niên có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến lợi ích của người chưa thành niên; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại chưa thành niên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV CA huyện Bình Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người bảo vệ quyền & lợi ích hợp pháp cho bị hại;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Cường